

Phụ lục I**tình hình giải ngân kế hoạch vốn 2026 - chi tiết theo chủ đầu tư***(Kèm theo báo cáo số 263/BC-STC ngày 26 tháng 3 năm 2026)*

STT	Công trình, dự án kiểm tra	Kế hoạch vốn 2026 (triệu đồng)	Giải ngân đến 25/3/2026	
			Giá trị	Tỷ lệ
	TỔNG KẾ HOẠCH VỐN	27.303.105	1.636.339	5,99%
1	UBND đặc khu Phú Quốc	4.846.101	1.294.957	26,72%
2	Sở Nông nghiệp và Môi trường	122.160	8.376	6,86%
3	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2.191.756	91.569	4,18%
4	Công an tỉnh	50.000	2.042	4,08%
5	Ban Quản lý dự án tỉnh	5.440.105	137.668	2,53%
6	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng - Giao thông	2.465.768	47.484	1,93%
7	UBND phường Rạch Giá	392.926	4.569	1,16%
8	UBND Phường Hà Tiên	251.705	2.492	0,99%
9	Sở Xây dựng	7.397.941	47.182	0,64%
10	Ban Quản lý Khu kinh tế	50.000	-	0,0%
11	UBND Đặc khu Kiên Hải	15.892	-	0,0%
12	UBND Phường Châu Đốc	26.376	-	0,0%
13	UBND xã Đông Hòa	15.625	-	0,0%
14	UBND xã Tân Thạnh	15.268	-	0,0%
15	UBND xã Đông Hưng	15.060	-	0,0%
16	UBND xã An Minh	17.202	-	0,0%
17	UBND xã Vân Khánh	15.059	-	0,0%
18	UBND xã Chợ Mới	18.868	-	0,0%
19	UBND xã Cù Lao Giêng	16.547	-	0,0%
20	UBND xã Hội An	17.678	-	0,0%
21	UBND xã Long Điền	16.488	-	0,0%
22	UBND xã Nhơn Mỹ	15.893	-	0,0%
23	UBND xã Long Kiến	15.893	-	0,0%
24	UBND xã Định Hòa	15.637	-	0,0%

STT	Công trình, dự án kiểm tra	Kế hoạch vốn 2026 (triệu đồng)	Giải ngân đến 25/3/2026	
			Giá trị	Tỷ lệ
25	UBND xã Gò Quao	16.220	-	0,0%
26	UBND xã Vĩnh Hòa Hưng	15.648	-	0,0%
27	UBND xã Vĩnh Tuy	15.398	-	0,0%
28	UBND phường Vĩnh Thông	23.211	-	0,0%
29	Sở Văn hoá và Thể thao	84.700	-	0,0%
30	Sở Khoa học và công nghệ	261.000	-	0,0%
31	Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội	500.000	-	0,0%
32	UBND Phường Tân Châu	19.775	-	0,0%
33	UBND Phường Long Phú	18.124	-	0,0%
34	UBND xã Tân An	17.683	-	0,0%
35	UBND xã Châu Phong	17.088	-	0,0%
36	UBND xã Vĩnh Xương	18.132	-	0,0%
37	UBND Phường Tô Châu	174.264	-	0,0%
38	UBND xã Tiên Hải	15.256	-	0,0%
39	UBND xã Giang Thành	15.357	-	0,0%
40	UBND xã Vĩnh Điều	15.208	-	0,0%
41	UBND xã Tân Hội	15.428	-	0,0%
42	UBND xã Tân Hiệp	18.665	-	0,0%
43	UBND xã Thạnh Đông	15.565	-	0,0%
44	UBND xã Óc Eo	18.695	-	0,0%
45	UBND xã Núi Cấm	16.250	-	0,0%
46	UBND Phường Vĩnh Tế	16.487	-	0,0%
47	UBND xã Ba Chúc	17.083	-	0,0%
48	UBND xã Phú Tân	20.950	-	0,0%
49	UBND Phường Tịnh Biên	16.785	-	0,0%
50	UBND Phường Thới Sơn	17.677	-	0,0%
51	UBND Phường Chi Lăng	17.083	-	0,0%
52	UBND xã An Cư	17.082	-	0,0%

STT	Công trình, dự án kiểm tra	Kế hoạch vốn 2026 (triệu đồng)	Giải ngân đến 25/3/2026	
			Giá trị	Tỷ lệ
53	Sở Tài chính	45.000	-	0,0%
54	UBND Đặc khu Thổ Châu	15.000	-	0,0%
55	UBND xã Tri Tôn	17.082	-	0,0%
56	UBND xã Ô Lâm	16.190	-	0,0%
57	UBND xã Cô Tô	17.380	-	0,0%
58	UBND xã Vĩnh Gia	16.547	-	0,0%
59	UBND xã Phú An	15.714	-	0,0%
60	UBND xã Bình Thạnh Đông	15.893	-	0,0%
61	UBND xã Chợ Vàm	16.904	-	0,0%
62	UBND xã Hoà Lạc	15.952	-	0,0%
63	UBND xã Phú Lâm	15.714	-	0,0%
64	UBND xã Hòa Điền	15.595	-	0,0%
65	UBND xã Kiên Lương	19.165	-	0,0%
66	UBND xã Hòn Nghệ	15.000	-	0,0%
67	UBND xã Sơn Hải	15.000	-	0,0%
68	UBND xã Mỹ Đức	15.298	-	0,0%
69	UBND xã Vĩnh Thạnh Trung	15.893	-	0,0%
70	UBND xã Châu Phú	16.071	-	0,0%
71	UBND xã Bình Mỹ	15.149	-	0,0%
72	UBND xã Thạnh Mỹ Tây	15.196	-	0,0%
73	Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn	198.390	-	0,0%
74	UBND xã An Phú	16.767	-	0,0%
75	UBND xã Vĩnh Hậu	16.101	-	0,0%
76	UBND xã Nhơn Hội	16.012	-	0,0%
77	UBND xã Khánh Bình	19.189	-	0,0%
78	UBND xã Phú Hữu	15.821	-	0,0%
79	UBND xã Giồng Riềng	16.333	-	0,0%
80	UBND xã Thạnh Hưng	15.530	-	0,0%

STT	Công trình, dự án kiểm tra	Kế hoạch vốn 2026 (triệu đồng)	Giải ngân đến 25/3/2026	
			Giá trị	Tỷ lệ
81	UBND xã Long Thạnh	15.375	-	0,0%
82	UBND xã Hòa Hưng	15.500	-	0,0%
83	UBND xã Ngọc Chúc	15.494	-	0,0%
84	UBND xã Hòa Thuận	15.315	-	0,0%
85	UBND xã Thạnh Lộc	25.817	-	0,0%
86	UBND xã Châu Thành	38.592	-	0,0%
87	UBND xã Bình An	28.983	-	0,0%
88	UBND xã Tây Yên	15.655	-	0,0%
89	UBND xã Đông Thái	15.803	-	0,0%
90	UBND xã An Biên	16.993	-	0,0%
91	UBND xã U Minh Thượng	16.071	-	0,0%
92	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	50.000	-	0,0%
93	Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	14.090	-	0,0%
94	Bệnh viện Đa khoa Trung tâm An Giang	20.000	-	0,0%
95	Vườn Quốc Gia Phú Quốc	38.830	-	0,0%
96	Sở Y tế	177.000	-	0,0%
97	UBND xã An Châu	20.444	-	0,0%
98	UBND xã Bình Hoà	18.749	-	0,0%
99	UBND xã Càn Đăng	17.160	-	0,0%
100	UBND xã Vĩnh Hanh	17.302	-	0,0%
101	UBND xã Vĩnh An	17.475	-	0,0%
102	UBND xã Thoại Sơn	18.510	-	0,0%
103	UBND xã Định Mỹ	19.712	-	0,0%
104	UBND xã Phú Hoà	20.819	-	0,0%
105	UBND xã Vĩnh Trạch	18.183	-	0,0%
106	UBND xã Tây Phú	17.600	-	0,0%
107	UBND xã Bình Giang	15.042	-	0,0%
108	UBND xã Bình Sơn	15.101	-	0,0%

STT	Công trình, dự án kiểm tra	Kế hoạch vốn 2026 (triệu đồng)	Giải ngân đến 25/3/2026	
			Giá trị	Tỷ lệ
109	UBND xã Hòn Đất	16.190	-	0,0%
110	UBND xã Sơn Kiên	15.333	-	0,0%
111	UBND xã Mỹ Thuận	15.714	-	0,0%
112	UBND xã Vĩnh Bình	16.458	-	0,0%
113	UBND xã Vĩnh Thuận	15.178	-	0,0%
114	UBND xã Vĩnh Phong	16.577	-	0,0%
115	UBND xã Vĩnh Hòa	15.833	-	0,0%
116	UBND Phường Bình Đức	30.250	-	0,0%
117	UBND Phường Mỹ Thới	25.293	-	0,0%
118	UBND Phường Long Xuyên	71.162	-	0,0%
119	UBND Xã Mỹ Hòa Hưng	15.619	-	0,0%
	Danh mục khác	1.974.495		0,0%
1	5% theo khoản 3 Điều 2 Quyết định số 2691/QĐ-T	769.235		0,0%
2	Vốn bố trí theo QĐ 400/QĐ-TTg	1.205.260		0,0%